

Số: 14/2025/HSST  
Ngày: 25 - 02- 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CT, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Minh Thư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Xuân Thiều

Bà Mạc Thị Thanh Bình

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Hồng Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Toà án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

**NGUYỄN NHƯ T**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Phước; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKTT: Khu phố 1, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Khu phố TL, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2004.

Tiền án:

+ Ngày 07/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 03/2014/HSST.

+ Ngày 21/06/2017 của Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 31/2017/HSST. Ngày 11/01/2023, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2024 cho đến nay.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Anh Lâm Hồng T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 7, khu phố Hưng Phú, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

**Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:** Anh Mai Thanh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 12, phường Minh Hưng, thị xã CT, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

**Người làm chứng:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 1, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 05/11/2024, Nguyễn Như T ký hợp đồng lao động thời vụ với Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ BT, địa chỉ: Số 1278, đường PRĐ, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Công ty phân công T làm bảo vệ mục tiêu trụ sở của Công ty TNHH may mặc D, thuộc Khu Công nghiệp Becamex Bình Phước, địa chỉ: Khu phố 4, phường Minh Thành, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01/12/2024, T đến trụ sở Công ty TNHH may mặc D để trực bảo vệ ca từ 06 giờ đến 18 giờ. Khi vào công ty, T đi xung quanh Công ty để kiểm tra thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu ghi xám, biển số 93E của anh Lâm Hồng T1, sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, khu phố HP, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước để tại nhà xe gần cổng chính của Công ty. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 93E để bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến nơi để xe rồi nhét 01 chìa khoá ở gần đó để mở ổ khoá nhưng không được nên T dẫn xe đến gần cổng bảo vệ nơi T ngồi trực rồi gọi điện thoại cho anh Trần Văn L, sinh năm 1974, nơi đăng ký thường trú: Khu phố 1, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước (là bạn của T), nói dối là xe của T bị mất chìa khoá nên nhờ anh L đến Công ty đưa xe đi sửa giúp ổ khóa dùm. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh L đi đến cổng Công ty thì gặp T dẫn bộ xe mô tô ra cổng Công ty giao anh L để đi sửa khóa. Khi sửa xong, anh L điều khiển xe mô tô đến cổng Công ty may mặc D giao lại cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở anh L về nhà rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến Cửa hàng mua bán xe máy cũ “Thanh T2”, địa chỉ: Khu

phố 1, phường ML, thị xã CT, Bình Phước do anh Mai Thanh T2, sinh năm 1987, nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, khu phố 12, phường Minh Hưng, thị xã CT, Bình Phước làm chủ hỏi mượn anh Mai Thanh T số tiền 6.000.000 đồng và sẽ để lại xe mô tô biển số 93E để làm tin, hẹn mấy ngày sau sẽ trả tiền rồi lấy xe lại. Anh Mai Thanh T hỏi nguồn gốc của xe mô tô biển số 93E thì T nói dối là xe mô tô của người thân cho mượn đi cầm. Do quen biết nên anh Mai Thanh T tin tưởng giữ xe mô tô biển số 93E lại để làm tin. Sau khi nhận được số tiền 6.000.000 đồng, T trả cho anh L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền sửa ổ khóa, số tiền còn lại T tiêu xài hết. Đến ngày 02/12/2024, anh T1 phát hiện xe mô tô biển số 93E bị mất nên anh T1 báo Công ty TNHH may mặc D. Công ty TNHH may mặc D tiến hành kiểm tra Camera phát hiện T lấy trộm nên đến Công an phường Minh Thành trình báo. Sau khi biết hành vi của mình bị phát hiện T đến Công an đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số 72 ngày 09/12/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã CT xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu xám-ghi, biển số 93E, số máy: JC76E0182058, số khung: 7611GZ123252 giá trị sử dụng còn lại là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

**\* Vật chứng thu giữ trong vụ án:**

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu xám-ghi, biển số 93E, số máy: JC76E0182058, số khung: 7611GZ123252. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Lâm Hồng T1 bị Nguyễn Như T chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho anh T1.

- 01 (một) dữ liệu điện tử (USB) được niêm phong, bên trong lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh Nguyễn Như T thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/12/2024.

**\* Về trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại anh Lâm Hồng T1 đã nhận lại xe mô tô biển số 93E. Anh T1 không yêu cầu gì thêm. Do vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra.

- Đối với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) bị cáo T mượn của anh Mai Thanh T. Anh Mai Thanh T yêu cầu bị cáo T hoàn trả cho anh số tiền này.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSCT ngày 16/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành truy tố đối với bị cáo.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:* Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo

Nguyễn Như T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Như T mức án từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm tù; xử lý vật chứng theo quy định.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/12/2024, Nguyễn Như T trực bảo vệ tại Công ty TNHH may mặc D. Trong lúc đi kiểm tra xung quanh thì T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu ghi xám, biển số 93E của anh Lâm Hồng T1 để tại nhà xe gần cổng chính của Công ty nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến nơi để xe rồi nhét 01 chìa khoá ở gần đó để mở ổ khoá nhưng không được nên T dẫn xe đến gần Cổng bảo vệ nơi T ngồi trực rồi gọi điện thoại cho anh Trần Văn L nói dối là xe của T bị mất chìa khoá, nhờ anh L đến Công ty đưa xe đi sửa giúp ổ khoá dùm. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh L đi đến cổng Công ty thì gặp T dẫn bộ xe mô tô ra cổng Công ty giao anh L đi sửa khoá. Khi sửa xong, anh L điều khiển xe mô tô đến cổng Công ty may mặc D giao lại cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở anh L về nhà rồi điều khiển xe mô tô đến Cửa hàng mua bán xe máy cũ “Thanh T2” hỏi mượn anh Mai Thanh

T số tiền 6.000.000 đồng và để lại xe mô tô biển số 93E để làm tin. Sau khi nhận được số tiền 6.000.000 đồng, T trả cho anh L số tiền 300.000 đồng tiền sửa ổ khóa, số tiền còn lại T tiêu xài hết. Như vậy, bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển số 93E của anh Lâm Hồng T1. Mặt khác, tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 21/6/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”, chưa được xóa án tích.

Đối chiếu với quy định tại Điều 53, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT truy tố đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, khi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Ngoài ra, khi tội phạm bị phát hiện bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy bị cáo nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian như đại diện VKS đề nghị để răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại anh Lâm Hồng T1 đã nhận lại xe mô tô biển số 93E. Anh T1 không yêu cầu gì thêm. Do vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị cáo T mượn của anh Mai Thanh T. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền này cho anh Mai Thanh T. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Mai Thanh T về việc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Mai Thanh T số tiền 6.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng

- 01 (một) dữ liệu điện tử (USB) được niêm phong, bên trong lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/12/2024 cần lưu hồ sơ vụ án.

[6] Các vấn đề khác của vụ án

Đối với anh Mai Thanh T không biết xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu xám-ghi, biển số 93E do bị cáo T đưa đến làm tin để mượn số tiền 6.000.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã CT không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Văn L không biết xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu xám-ghi, biển số 93E do bị cáo T giao để nhờ đưa đi sửa ổ khóa là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Chơn Thành không xem xét xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 53, Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T **04 (Bốn)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Như T và anh Mai Thanh T2, bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Mai Thanh T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

*Trường hợp bản được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) dữ liệu điện tử (USB) được niêm phong, bên trong lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/12/2024.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã CT;
- CCTHADS thị xã CT;
- CA thị xã CT;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Thư**